



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC
Thành viên của PrimeGlobal

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ
TRƯỜNG HỌC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2013

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đã được Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sách Thiết Bị Trường Học TP HCM (Công ty) thông qua tại Hội đồng Quản trị họp ngày 28 tháng 06 năm 2013, theo biên bản họp Hội đồng Quản trị số 01/2013/HĐQT/CT.

Trong kỳ kế toán:

1. Ngày 01 tháng 07 năm 2013 là Ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Sách Thiết Bị Trường Học TP HCM.

2. Ngày 01 tháng 07 năm 2013 là Ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Sách Thiết Bị Trường Học TP HCM.

3. Ngày 01 tháng 07 năm 2013 là Ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Sách Thiết Bị Trường Học TP HCM.

4. Ngày 01 tháng 07 năm 2013 là Ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Sách Thiết Bị Trường Học TP HCM.

5. Ngày 01 tháng 07 năm 2013 là Ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Sách Thiết Bị Trường Học TP HCM.

6. Ngày 01 tháng 07 năm 2013 là Ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Sách Thiết Bị Trường Học TP HCM.

7. Ngày 01 tháng 07 năm 2013 là Ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Sách Thiết Bị Trường Học TP HCM.

8. Ngày 01 tháng 07 năm 2013 là Ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Sách Thiết Bị Trường Học TP HCM.

9. Ngày 01 tháng 07 năm 2013 là Ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Sách Thiết Bị Trường Học TP HCM.

10. Ngày 01 tháng 07 năm 2013 là Ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Sách Thiết Bị Trường Học TP HCM.

11. Ngày 01 tháng 07 năm 2013 là Ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Sách Thiết Bị Trường Học TP HCM.

12. Ngày 01 tháng 07 năm 2013 là Ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Sách Thiết Bị Trường Học TP HCM.

13. Ngày 01 tháng 07 năm 2013 là Ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Sách Thiết Bị Trường Học TP HCM.

14. Ngày 01 tháng 07 năm 2013 là Ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Sách Thiết Bị Trường Học TP HCM.

15. Ngày 01 tháng 07 năm 2013 là Ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Sách Thiết Bị Trường Học TP HCM.

16. Ngày 01 tháng 07 năm 2013 là Ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Sách Thiết Bị Trường Học TP HCM.

17. Ngày 01 tháng 07 năm 2013 là Ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Sách Thiết Bị Trường Học TP HCM.

18. Ngày 01 tháng 07 năm 2013 là Ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Sách Thiết Bị Trường Học TP HCM.

19. Ngày 01 tháng 07 năm 2013 là Ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Sách Thiết Bị Trường Học TP HCM.

20. Ngày 01 tháng 07 năm 2013 là Ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Sách Thiết Bị Trường Học TP HCM.

21. Ngày 01 tháng 07 năm 2013 là Ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Sách Thiết Bị Trường Học TP HCM.

22. Ngày 01 tháng 07 năm 2013 là Ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Sách Thiết Bị Trường Học TP HCM.

23. Ngày 01 tháng 07 năm 2013 là Ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Sách Thiết Bị Trường Học TP HCM.

24. Ngày 01 tháng 07 năm 2013 là Ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Sách Thiết Bị Trường Học TP HCM.

25. Ngày 01 tháng 07 năm 2013 là Ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Sách Thiết Bị Trường Học TP HCM.

26. Ngày 01 tháng 07 năm 2013 là Ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Sách Thiết Bị Trường Học TP HCM.

27. Ngày 01 tháng 07 năm 2013 là Ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Sách Thiết Bị Trường Học TP HCM.

28. Ngày 01 tháng 07 năm 2013 là Ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Sách Thiết Bị Trường Học TP HCM.

29. Ngày 01 tháng 07 năm 2013 là Ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Sách Thiết Bị Trường Học TP HCM.

30. Ngày 01 tháng 07 năm 2013 là Ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Sách Thiết Bị Trường Học TP HCM.

31. Ngày 01 tháng 07 năm 2013 là Ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Sách Thiết Bị Trường Học TP HCM.

32. Ngày 01 tháng 07 năm 2013 là Ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Sách Thiết Bị Trường Học TP HCM.

33. Ngày 01 tháng 07 năm 2013 là Ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Sách Thiết Bị Trường Học TP HCM.

34. Ngày 01 tháng 07 năm 2013 là Ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Sách Thiết Bị Trường Học TP HCM.

35. Ngày 01 tháng 07 năm 2013 là Ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Sách Thiết Bị Trường Học TP HCM.

36. Ngày 01 tháng 07 năm 2013 là Ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Sách Thiết Bị Trường Học TP HCM.

37. Ngày 01 tháng 07 năm 2013 là Ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Sách Thiết Bị Trường Học TP HCM.

38. Ngày 01 tháng 07 năm 2013 là Ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Sách Thiết Bị Trường Học TP HCM.

39. Ngày 01 tháng 07 năm 2013 là Ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Sách Thiết Bị Trường Học TP HCM.

40. Ngày 01 tháng 07 năm 2013 là Ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Sách Thiết Bị Trường Học TP HCM.

MỤC LỤC

Trang

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	1 - 3
Báo cáo kết quả công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất	4
Các Báo cáo tài chính hợp nhất	
• Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 - 6
• Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất	7
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	8
• Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	9 - 32

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh công bố báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2013.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập trên cơ sở Cổ phần hoá Doanh nghiệp nhà nước (Công ty Sách và Thiết bị Trường học Thành Phố Hồ Chí Minh) theo Quyết định số 6500/QĐ-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2005 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103004971 ngày 04 tháng 07 năm 2006 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay Công ty đã bốn lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 05 tháng 02 năm 2010.

Công ty đã đăng ký niêm yết giao dịch cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội kể từ ngày 21/12/2006 theo Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch cổ phiếu số 63/TTGDHN – ĐKGD ngày 06/12/2006 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là STC.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: 223 Nguyễn Tri Phương, Phường 9, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (84) 08.8554 645 - 08.8553 118
- Fax: (84) 08.8564 307
- Website: www.stb.com.vn

Ngành nghề kinh doanh chính

- Mua bán sách giáo khoa; In sách giáo khoa học sinh và các loại ấn phẩm nhà trường, nhãn hiệu bao bì;
- Sản xuất và cung ứng các thiết bị trường học và đồ dùng dạy học;
- Mua bán tủ, bàn, ghế, sản phẩm bằng gỗ, đồ chơi trẻ em, thiết bị nghe nhìn, máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm máy vi tính;
- Giáo dục tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông;
- Đào tạo nghề;
- Cho thuê văn phòng.

Công ty có 3 đơn vị trực thuộc:

- Chi nhánh Công ty Cổ Phần Sách và Thiết Bị Trường Học TP. Hồ Chí Minh - Xí nghiệp đồ dùng dạy học;
- Chi nhánh Công ty Cổ Phần Sách và Thiết Bị Trường Học TP. Hồ Chí Minh - Xí nghiệp Thiết bị trường học;
- Chi nhánh Công ty Cổ Phần Sách và Thiết Bị Trường Học Thành Phố Hồ Chí Minh (Tại Khu Công Nghiệp Sóng Thần 3- Bình Dương).

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Công ty con

Tên Công ty	Địa chỉ	L.vực kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu
Công ty TNHH MTV In chuyên dùng	104/5 Mai Thị Lựu, P. Đa Kao, Q.1, TP Hồ Chí Minh	In ấn	100%
Công ty Cổ phần Giáo dục An đông	780 Nguyễn Kiệm, Phường 4, Q. Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh	Giáo dục	52,77%

Nhân sự

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ kế toán và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

Hội đồng quản trị

- | | | |
|----------------------|----------|------------------------------|
| • Ông Từ Văn Sơn | Chủ tịch | Bỏ nhiệm lại ngày 24/03/2012 |
| • Ông Lê Kế Đức | Ủy viên | Bỏ nhiệm lại ngày 24/03/2012 |
| • Ông Xà Triệu Hoàng | Ủy viên | Bỏ nhiệm lại ngày 24/03/2012 |
| • Ông Ngô Trần Vinh | Ủy viên | Bỏ nhiệm lại ngày 24/03/2012 |
| • Ông Trần Văn Hưng | Ủy viên | Bỏ nhiệm ngày 24/03/2012 |

Ban Kiểm soát

- | | | |
|----------------------|------------|------------------------------|
| • Ông Trần Lê Quang | Trưởng ban | Bỏ nhiệm ngày 24/03/2012 |
| • Bà Phạm Nhật Quyên | Ủy viên | Bỏ nhiệm lại ngày 24/03/2012 |
| • Bà Nguyễn Thị Nhớ | Ủy viên | Bỏ nhiệm ngày 24/03/2012 |

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

- | | | |
|----------------------|-------------------|------------------------------|
| • Ông Từ Văn Sơn | Tổng Giám đốc | Bỏ nhiệm lại ngày 15/04/2009 |
| • Ông Lê Kế Đức | Phó Tổng Giám đốc | Bỏ nhiệm lại ngày 15/04/2009 |
| • Ông Ngô Trần Vinh | Phó Tổng Giám đốc | Bỏ nhiệm lại ngày 15/04/2009 |
| • Ông Phan Xuân Hiến | Phó Tổng Giám đốc | Bỏ nhiệm lại ngày 15/04/2009 |
| • Ông Trần Văn Hưng | Kế toán trưởng | Bỏ nhiệm lại ngày 15/04/2009 |

Kiểm toán độc lập

Các Báo cáo tài chính hợp nhất này được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính Lô 78 – 80 Đường 30 tháng 4, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 511.3655886; Fax: (84) 511.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc trong việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính hợp nhất này trên cơ sở:

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Tuân thủ các Quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất trên nguyên tắc hoạt động liên tục.

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Các Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất, Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 30/06/2013 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ trong kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2013, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc

Trần Văn Sơn

TP Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 08 năm 2013



CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

Trụ sở chính
Lô 78-80 Đường 30 tháng 4, Q. Hải Châu, Tp. Đà Nẵng
Tel: 84.511.3655886; Fax: 84.511.3655887
Email: aac@dng.vn.vn
Website: <http://www.aac.com.vn>

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh
47-49 Hoàng Sa (Tầng 4 Tòa nhà Hoàng Đan)
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: 84.8.39102235; Fax: 84.8.39102349
Email: aac.hcm@aac.com.vn

Số: 835/BCSX-AAC

Đà Nẵng, ngày 20 tháng 08 năm 2013

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các Cổ đông
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học TP Hồ Chí Minh**

Chúng tôi đã thực hiện soát xét Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30/06/2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2013 được lập ngày 15/08/2013 của Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học TP Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là "Công ty") đính kèm từ trang 5 đến trang 32. Các Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập theo Chế độ kế toán Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty và của Kiểm toán viên

Việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất này là trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến nhận xét về các Báo cáo tài chính này dựa trên cơ sở kết quả công tác soát xét của chúng tôi.

Phạm vi soát xét

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét các báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện soát xét để có sự đảm bảo vừa phải rằng liệu các báo cáo tài chính hợp nhất có chứa đựng những sai sót trọng yếu hay không. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với các nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích đối với những thông tin tài chính; công tác soát xét này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Ý kiến nhận xét của Kiểm toán viên

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, xét trên mọi khía cạnh trọng yếu, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi đưa ra ý kiến rằng các Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2013, kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ trong kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2013, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan về lập và trình bày báo cáo tài chính.



Phan Xuân Vạn
Tổng Giám đốc

Chứng chỉ hành nghề số 0102-2013-010-1

Lê Vinh Hà
Kiểm toán viên

Chứng chỉ hành nghề số 1216-2013-010-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Ngày 30 tháng 06 năm 2013

Mẫu số B 01 – DN/HN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/3/2006 và các qui định sửa đổi,
bổ sung của Bộ trưởng BTC

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2013 VND	31/12/2012 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		93.499.613.274	93.187.593.976
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		8.639.123.057	19.185.426.481
1. Tiền	111	5	3.607.123.057	2.790.780.545
2. Các khoản tương đương tiền	112		5.032.000.000	16.394.645.936
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120			-
III. Các khoản phải thu	130		36.308.256.697	42.963.763.490
1. Phải thu của khách hàng	131		23.259.697.668	42.564.346.729
2. Trả trước cho người bán	132		13.064.369.463	681.754.582
3. Các khoản phải thu khác	135	6	219.868.413	166.097.857
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139	7	(235.678.847)	(448.435.678)
IV. Hàng tồn kho	140		46.468.615.802	30.326.102.153
1. Hàng tồn kho	141	8	47.041.484.010	31.112.755.499
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(572.868.208)	(786.653.346)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.083.617.718	712.301.852
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	843.790.339	384.341.204
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		752.047.476	217.303.589
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	10	104.399.312	11.782.073
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	11	383.380.591	98.874.986
B. TÀI SẢN DÀI HẠN			47.303.139.847	46.938.238.742
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		41.046.092.426	29.247.668.652
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	29.611.462.055	26.797.005.109
- Nguyên giá	222		43.314.294.137	42.253.479.130
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(13.702.832.082)	(15.456.474.021)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	10.079.033.948	-
- Nguyên giá	228		11.697.785.600	167.790.500
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.618.751.652)	(167.790.500)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	14	1.355.596.423	2.450.663.543
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	15	593.000.000	593.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư dài hạn khác	258		593.000.000	593.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		5.664.047.421	17.097.570.090
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	16	5.569.267.590	17.038.017.210
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		84.779.831	49.552.880
3. Tài sản dài hạn khác	268	17	10.000.000	10.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		140.802.753.121	140.125.832.718

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Ngày 30 tháng 06 năm 2013

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2013 VND	31/12/2012 VND
A. Nợ phải trả	300		49.116.218.419	48.621.039.392
I. Nợ ngắn hạn	310		48.099.439.419	47.768.861.708
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	18	27.852.178.339	16.084.300.000
2. Phải trả cho người bán	312		11.615.911.351	14.402.038.425
3. Người mua trả tiền trước	313		315.321.008	438.933.815
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	19	780.523.162	1.148.634.366
5. Phải trả người lao động	315		3.308.132.458	8.908.687.580
6. Chi phí phải trả	316	20	1.412.382.515	1.711.292.310
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	21	2.023.487.099	2.480.307.395
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		791.503.487	2.594.667.817
II Nợ dài hạn	330		1.016.779.000	852.177.684
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Doanh thu chưa thực hiện	338		1.016.779.000	852.177.684
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		89.048.511.294	88.549.969.661
I. Vốn chủ sở hữu	410		89.048.511.294	88.549.969.661
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	22	56.655.300.000	56.655.300.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	22	12.325.320.000	12.325.320.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413	22	3.029.882.231	3.029.882.231
4. Cổ phiếu quỹ	414		(3.275.267.777)	(3.275.267.777)
6. Quỹ đầu tư phát triển	417	22	12.427.525.621	12.427.525.621
7. Quỹ dự phòng tài chính	418	22	2.514.573.911	2.514.573.911
8. Lợi nhuận chưa phân phối	420	22	5.371.177.308	4.872.635.675
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
C. Lợi ích của cổ đông thiểu số	439		2.638.023.408	2.954.823.665
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	430		140.802.753.121	140.125.832.718

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	30/06/2013	31/12/2012	
Ngoại tệ các loại	USD	676,11	675,35



Tu Văn Sơn

TP Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 08 năm 2013

USD

Kế toán trưởng

Trần Văn Hưng

Người lập

Huỳnh Thị Bích Hạnh

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2013

Mẫu số B 02 – DN/NH
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC ngày
20/3/2006 và các qui định sửa đổi, bổ sung
của Bộ trưởng BTC

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2013 VND	6 tháng đầu năm 2012 VND
1. Doanh thu bán hàng và c.cấp dịch vụ	01	23	118.590.102.933	95.377.219.268
2. Các khoản giảm trừ	02	23	1.130.522.001	281.831.526
3. Doanh thu thuần về bán hàng và CC dịch vụ	10	23	117.459.580.932	95.095.387.742
4. Giá vốn hàng bán	11	24	91.068.460.475	74.560.306.939
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và CC dịch vụ	20		<u>26.391.120.457</u>	<u>20.535.080.803</u>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	918.220.341	881.726.063
7. Chi phí hoạt động tài chính	22	26	3.065.416.042	1.678.008.498
Trong đó: Lãi vay	23		1.666.539.720	942.287.020
8. Chi phí bán hàng	24		8.429.977.609	5.788.512.627
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		11.261.439.060	9.736.742.899
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		<u>4.552.508.087</u>	<u>4.213.542.842</u>
11. Thu nhập khác	31	27	1.105.893.148	112.874.869
12. Chi phí khác	32	28	437.551.059	270.940.626
13. Lợi nhuận khác	40		<u>668.342.089</u>	<u>(158.065.757)</u>
14. Lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		-	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	29	<u>5.220.850.176</u>	<u>4.055.477.085</u>
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	848.914.750	527.848.345
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	29	(35.226.951)	(106.907.606)
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	29	<u>4.407.162.377</u>	<u>3.634.536.346</u>
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61	29	141.899.743	(20.624.824)
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	62	29	4.265.262.634	3.655.161.170
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	793	679



Từ Văn Sơn

TP Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 08 năm 2013

Kế toán trưởng

Trần Văn Hưng

Người lập

Huỳnh Thị Bích Hạnh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2013

Mẫu số B 03 – DN/NH
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC ngày
20/3/2006 và các qui định sửa đổi, bổ sung
của Bộ trưởng BTC

Chi tiêu	Mã số	6 tháng đầu năm 2013 VND	6 tháng đầu năm 2012 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01	141.234.893.648	103.214.849.485
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02	(125.937.173.275)	(101.282.899.105)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(18.933.132.345)	(12.379.245.219)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(1.655.391.559)	(942.287.020)
5. Tiền chi nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp	05	(580.355.797)	(616.316.664)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	1.529.549.108	1.186.605.418
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(11.218.402.742)	(7.223.704.527)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(15.560.012.962)	(18.042.997.632)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	(4.449.885.971)	(2.483.630.125)
2. Tiền thu từ TLÝ, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22	1.160.000.000	18.610.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(1.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24		1.000.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	878.901.141	461.072.266
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(2.410.984.830)	(2.003.947.859)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ PH cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		1.000.000.000
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	56.684.118.590	51.323.613.820
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(44.916.240.251)	(35.480.638.820)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(4.343.416.500)	(6.828.042.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	7.424.461.839	10.014.933.000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(10.546.535.953)	(10.032.012.491)
Tiền và tương đương tiền tồn đầu kỳ	60	19.185.426.481	12.942.756.222
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61	232.529	7
Tiền và tương đương tiền tồn cuối kỳ	70	8.639.123.057	2.910.743.738



Từ Văn Sơn

TP Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 08 năm 2013

Kế toán trưởng

Trần Văn Hưng

Người lập

Huỳnh Thị Bích Hạnh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là "Công ty") là Công ty Cổ phần được thành lập trên cơ sở Cổ phần hoá Doanh nghiệp nhà nước (Công ty Sách và Thiết bị Trường học Thành Phố Hồ Chí Minh) theo Quyết định số 6500/QĐ-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2005 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103004971 ngày 04 tháng 07 năm 2006 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay Công ty đã bốn lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 05 tháng 02 năm 2010.

Ngành nghề kinh doanh chính

- Mua bán sách giáo khoa; In sách giáo khoa học sinh và các loại ấn phẩm nhà trường, nhãn hiệu bao bì;
- Sản xuất và cung ứng các thiết bị trường học và đồ dùng dạy học;
- Mua bán tủ, bàn, ghế, sản phẩm bằng gỗ, đồ chơi trẻ em, thiết bị nghe nhìn, máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm máy vi tính;
- Giáo dục tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông;
- Đào tạo nghề;
- Cho thuê văn phòng.

Công ty con: Công ty TNHH Một thành viên In Chuyên Dùng

- Địa chỉ trụ sở chính: 104/5 Mai Thị Lựu, Phường Đa Kao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh.
- Hoạt động chính của Công ty con là: In sách giáo khoa, tạp chí chuyên ngành, văn hóa phẩm, nhãn hàng, giấy tờ quản lý kinh tế - xã hội
- Tỷ lệ sở hữu của Công ty mẹ: 100%.

Công ty con: Công ty Cổ phần Giáo dục An Đông

- Địa chỉ trụ sở chính: 780 Nguyễn Kiệm, Phường 4, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh.
- Hoạt động chính của Công ty con là: Giáo dục Tiểu học, Giáo dục Trung học cơ sở và Giáo dục Trung học Phổ Thông
- Tỷ lệ sở hữu của Công ty mẹ: 52,77%.

2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính và các nghiệp vụ kế toán được lập và ghi sổ bằng Đồng Việt Nam (VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

3. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các qui định về sửa đổi, bổ sung có liên quan của Bộ Tài chính.

Báo cáo tài chính được lập phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

Hình thức kế toán: Chứng từ ghi sổ.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu áp dụng

4.1 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Công ty con

Công ty con là các đơn vị do Công ty kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty con nhằm thu được lợi ích từ các hoạt động của các công ty này. Báo cáo tài chính của các công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày Công ty bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc kiểm soát.

Các báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty và các Công ty con. Các báo cáo tài chính của công ty con được lập cho cùng kỳ kế toán với Công ty, áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Các bút toán điều chỉnh được thực hiện đối với bất kỳ khác biệt nào trong chính sách kế toán nhằm đảm bảo tính nhất quán giữa các Công ty con và Công ty.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của Công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Tất cả các số dư và giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch trong nội bộ bị loại trừ hoàn toàn khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

4.2 Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

4.3 Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn khác

Đầu tư tài chính ngắn hạn là các khoản đầu tư có thời hạn đáo hạn không quá 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Đầu tư tài chính dài hạn khác bao gồm các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác mà Công ty nắm giữ dưới 20% quyền biểu quyết, đầu tư trái phiếu, cho vay vốn và các khoản đầu tư dài hạn khác mà thời hạn nắm giữ, thu hồi hoặc thanh toán trên 12 tháng.

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn khác được phản ánh theo giá gốc. Dự phòng được lập cho các khoản giảm giá đầu tư nếu phát sinh tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

4.4 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.5 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Việc ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012 của Bộ Tài chính. Theo đó, đối với việc thanh toán các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phát sinh kế toán thì thực hiện theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp có giao dịch, đối với việc đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ kế toán thì thực hiện theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh trong kỳ và do đánh giá lại số dư cuối kỳ được phản ánh vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

4.6 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.7 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

4.8 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Khấu hao của tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Tỷ lệ khấu hao phù hợp với Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính.

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 44
Máy móc thiết bị	5 - 7
Phương tiện truyền tải, truyền dẫn	6 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 - 5

4.9 Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình khi Công ty được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc thuê đất trả tiền một lần và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất được xác định là toàn bộ các khoản tiền chi ra để có quyền sử dụng đất hợp pháp cộng các chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,...

Quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không thực hiện khấu hao.

Các tài sản cố định vô hình khác

Các tài sản cố định vô hình khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Khấu hao của tài sản cố định vô hình khác được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Tỷ lệ khấu hao phù hợp với Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính.

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Phần mềm máy tính	3

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

4.10 Ghi nhận chi phí trả trước

Chi phí trả trước dài hạn phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều niên độ kế toán. Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ theo thời gian sử dụng hữu ích ước tính.

4.11 Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

4.12 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

4.13 Chính sách thuế và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế Giá trị gia tăng:
Sách giáo khoa và các loại sách tham khảo hỗ trợ sách giáo khoa thuộc đối tượng không chịu thuế; các loại sách khác và thiết bị văn phòng, dụng cụ học tập chịu thuế suất theo quy định hiện hành.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp là 25%.

Ưu đãi về thuế Thu nhập doanh nghiệp áp dụng riêng đối với Công ty mẹ

Đối với phần thu nhập có được trong lĩnh vực xã hội hóa (sản xuất và cung ứng thiết bị trường học, đồ dùng dạy học): Áp dụng mức thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp là 10% trong suốt thời gian hoạt động. Ưu đãi trên được thực hiện theo Công văn số 1294/TCT-CS của Tổng cục Thuế ngày 15/4/2011 về việc trả lời Công văn số 245/STB-10 ngày 29/12/2010 của Công ty Sách và Thiết bị trường học Thành phố Hồ Chí Minh.

Các ưu đãi về thuế Thu nhập doanh nghiệp áp dụng riêng đối với Công ty con (Công ty CP Giáo dục An Đông)

- Đối với lĩnh vực giáo dục - đào tạo: áp dụng thuế suất 10%;
- Công ty được miễn thuế 4 năm và giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 5 năm tiếp theo đối với doanh nghiệp thành lập mới trong lĩnh vực xã hội hoá thực hiện tại địa bàn không thuộc danh mục địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn. Theo đó, Công ty áp dụng miễn thuế 4 năm (từ năm 2010 đến 2013) và giảm trong 5 năm (từ năm 2014 đến 2018).
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.14 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản đầu tư tài chính, phải thu khách hàng, phải thu khác và tài sản tài chính khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

4.15 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

5. Tiền

	30/06/2013 VND	31/12/2012 VND
Tiền mặt	1.325.608.609	243.811.584
Tiền gửi ngân hàng	2.281.514.448	2.546.968.961
Các khoản tương đương tiền	5.032.000.000	16.394.645.936
Cộng	8.639.123.057	19.185.426.481

6. Các khoản phải thu khác

	30/06/2013 VND	31/12/2012 VND
Lãi dự thu	24.791.667	-
Phải thu người lao động (thuế TNCN)	109.180.549	88.636.713
Phải thu khác	85.896.197	77.461.144
Cộng	219.868.413	166.097.857

7. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi

	30/06/2013 VND	31/12/2012 VND
Cho các khoản nợ phải thu trên 3 năm	141.945.200	170.984.789
Cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến 3 năm	6.439.020	114.717.225
Cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến 2 năm	87.294.627	162.733.664
Cộng	235.678.847	448.435.678

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

8. Hàng tồn kho

	30/06/2013	31/12/2012
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	9.752.244.272	7.504.897.488
Công cụ dụng cụ	53.177.507	80.073.283
Chi phí SXKD dở dang	172.754.585	2.644.600.889
Thành phẩm	8.624.321.422	4.643.253.455
Hàng hóa	28.438.986.224	16.239.930.384
Cộng	47.041.484.010	31.112.755.499

9. Chi phí trả trước ngắn hạn

	30/06/2013	31/12/2012
	VND	VND
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	67.948.495	144.225.405
Tiền thuê đất	720.255.090	-
Chi phí trả trước khác	55.586.754	240.115.799
Cộng	843.790.339	384.341.204

10. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	30/06/2013	31/12/2012
	VND	VND
Thuế TNCN nộp thừa	86.821.979	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	17.577.333	11.782.073
Cộng	104.399.312	11.782.073

11. Tài sản ngắn hạn khác

	30/06/2013	31/12/2012
	VND	VND
Tạm ứng	224.219.984	98.874.986
Tài sản thiếu chờ xử lý	139.160.607	-
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	20.000.000	-
Cộng	383.380.591	98.874.986

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

12. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	P.tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá					
Số đầu kỳ	26.679.755.129	9.637.673.528	3.347.099.831	2.588.950.642	42.253.479.130
Tăng trong kỳ	-	555.900.000	1.407.567.364	-	1.963.467.364
Đầu tư XDCB HT	3.570.553.363	-	-	-	3.570.553.363
Thanh lý, bán	-	-	1.254.561.243	-	1.254.561.243
Giảm trong kỳ	26.766.000	1.020.545.155	497.589.916	1.673.743.406	3.218.644.477
Số cuối kỳ	30.223.542.492	9.173.028.373	3.002.516.036	915.207.236	43.314.294.137
Khấu hao					
Số đầu kỳ	6.048.338.169	6.356.100.104	2.064.895.384	987.140.364	15.456.474.021
Tăng trong kỳ	380.009.016	455.147.784	149.030.023	221.852.518	1.206.039.341
T/lý, nhượng bán	-	-	819.889.398	-	819.889.398
Giảm trong kỳ	13.346.650	791.721.195	470.166.288	864.557.749	2.139.791.882
Số cuối kỳ	6.415.000.535	6.019.526.693	923.869.721	344.435.133	13.702.832.082
Giá trị còn lại					
Số đầu kỳ	20.631.416.960	3.281.573.424	1.282.204.447	1.601.810.278	26.797.005.109
Số cuối kỳ	23.808.541.957	3.153.501.680	2.078.646.315	570.772.103	29.611.462.055

Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 30/06/2013 là: 3.993.738.995 đồng.

Giá trị còn lại của Tài sản cố định dùng để thế chấp các khoản vay tại ngày 30/06/2013: 0 đồng.

13. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số đầu năm	-	167.790.500	167.790.500
Tăng khác (*)	11.529.995.100	-	11.529.995.100
Số cuối kỳ	11.529.995.100	167.790.500	11.697.785.600
Khấu hao			
Số đầu năm	-	167.790.500	167.790.500
Tăng khác (*)	1.450.961.152	-	1.450.961.152
Số cuối kỳ	1.450.961.152	167.790.500	1.618.751.652
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	-	-	-
Số cuối kỳ	10.079.033.948	-	10.079.033.948

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

(*) Tăng khác là điều chỉnh quyền sử dụng đất trước đây theo dõi là chi phí trả trước dài hạn, nay điều chỉnh lại theo quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính. Quyền sử dụng đất của Công ty gồm:

- Quyền sử dụng đất ở KCN Sóng Thần Bình Dương, diện tích 20.600 m² với thời hạn đến 31/12/2055.
- Quyền sử dụng đất ở KCN Tân Tạo Thành Phố Hồ Chí Minh, diện tích 2.575 m² với thời hạn thuê đến 31/12/2047.

Giá trị còn lại của tài sản cố định (Quyền sử dụng đất ở KCN Sóng Thần Bình Dương) cầm cố thế chấp để đảm bảo nợ vay tại ngày 30/6/2013 là: 8.240.023.527 đồng.

Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2013 là 167.790.500 đồng.

14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/06/2013	31/12/2012
	VND	VND
Sửa chữa khu nội trú	572.727.180	663.636.271
Cải tạo nhà xưởng Phan Văn Trị	728.534.543	-
Công trình xây dựng xưởng mộc KCN Sóng Thần	54.334.700	1.787.027.272
Cộng	1.355.596.423	2.450.663.543

15. Đầu tư dài hạn khác

	30/06/2013		31/12/2012	
	Số lượng Cổ phiếu	Giá trị VND	Số lượng Cổ phiếu	Giá trị VND
Công ty CP Sách Giáo dục Tây Ninh	1.000	103.000.000	1.000	103.000.000
Công ty CP Dịch vụ Xuất Bản Gia Định	49.000	490.000.000	49.000	490.000.000
Cộng		593.000.000		593.000.000

Cho đến thời điểm này, Công ty chưa nhận được Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2013 của các Công ty trên. Các cổ phiếu này chưa được niêm yết tại các Sở Giao dịch Chứng khoán và Công ty cũng không có được nguồn dữ liệu tham khảo nào đáng tin cậy về thị giá của cổ phiếu này tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán, báo cáo tài chính của các công ty này đến 31/12/2012 đều có lãi, vốn được bảo toàn. Ban Tổng giám đốc Công ty đánh giá rằng giá trị ghi nhận khoản đầu tư này là hợp lý. Do đó, giá trị của khoản đã đầu tư được ghi nhận theo giá gốc và không trích lập dự phòng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

16. Chi phí trả trước dài hạn

	30/06/2013	31/12/2012
	VND	VND
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	2.489.873.863	1.881.936.363
Sửa chữa nhà xưởng Tân Tạo	245.668.712	359.523.326
Sửa chữa nhà 223 Nguyễn Tri Phương	965.413.367	2.152.813.628
Sửa chữa, cải tạo Cửa hàng 122 Phan Văn Trị	175.596.039	209.426.560
Sửa chữa nhà xưởng Bình Dương	61.947.627	12.346.751
Chi phí sửa chữa lớn chờ phân bổ	1.620.563.952	2.199.041.192
Chi phí thuê đất trả trước tại KCN Sóng Thần	-	8.334.736.443
Chi phí thuê đất trả trước tại KCN Tân Tạo	-	1.863.314.525
Chi phí khác	10.204.030	24.878.422
Cộng	5.569.267.590	17.038.017.210

17. Tài sản dài hạn khác

	30/06/2013	31/12/2012
	VND	VND
Ký quỹ, ký cược dài hạn	10.000.000	10.000.000
Cộng	10.000.000	10.000.000

18. Vay và nợ ngắn hạn

	30/06/2013	31/12/2012
	VND	VND
Vay ngắn hạn	27.852.178.339	16.084.300.000
- Ngân hàng Ngoại thương Tp Hồ Chí Minh	11.967.878.339	-
- Vay cá nhân	15.884.300.000	16.084.300.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	-	-
Cộng	27.852.178.339	16.084.300.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

19. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	30/06/2013 VND	31/12/2012 VND
Thuế giá trị gia tăng	23.253.568	559.430.565
Thuế thu nhập doanh nghiệp	706.087.229	431.733.016
Thuế thu nhập cá nhân	51.182.365	157.470.785
Cộng	780.523.162	1.148.634.366

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

20. Chi phí phải trả

	30/06/2013 VND	31/12/2012 VND
Trích trước chiết khấu thanh toán nhanh, hoa hồng	1.401.234.354	1.481.817.310
Chi phí học tập ngoại khóa cho học sinh, giáo viên	-	164.475.000
Trích trước chi phí lãi vay	11.148.161	65.000.000
Cộng	1.412.382.515	1.711.292.310

21. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	30/06/2013 VND	31/12/2012 VND
Kinh phí công đoàn	404.510.832	536.734.525
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp		31.518.317
Phải trả về Cổ phần hoá	723.771.000	723.771.000
Cổ tức phải trả	232.417.932	350.413.432
Các khoản phải trả, phải nộp khác	662.787.335	837.870.121
- Tài sản thừa chờ xử lý	167.342.074	-
- Thủ lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	255.606.472	632.966.472
- Thuế thu nhập cá nhân tạm thu	15.597.037	15.597.037
- Phải trả khác	224.241.752	189.306.612
Cộng	2.023.487.099	2.480.307.395

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

22. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	LN sau thuế chưa phân phối VND
Số tại 01/01/2012	56.655.300.000	12.325.320.000	2.352.678.643	(3.275.267.777)	11.587.864.435	1.874.518.505	7.725.691.963
Tăng trong kỳ	-	-	677.203.588	-	839.661.186	640.055.406	13.989.579.790
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-	16.842.636.078
Số tại 31/12/2012	56.655.300.000	12.325.320.000	3.029.882.231	(3.275.267.777)	12.427.525.621	2.514.573.911	4.872.635.675
Số tại 01/01/2013	56.655.300.000	12.325.320.000	3.029.882.231	(3.275.267.777)	12.427.525.621	2.514.573.911	4.872.635.675
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	-	4.265.262.634
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-	3.766.721.001
Số tại 30/06/2013	56.655.300.000	12.325.320.000	3.029.882.231	(3.275.267.777)	12.427.525.621	2.514.573.911	5.371.177.308

Vốn khác của chủ sở hữu là Quỹ dự trữ trích lập theo điều lệ Công ty.

b. Cổ phiếu

	30/06/2013 Cổ phiếu	31/12/2012 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	5.665.530	5.665.530
- Cổ phiếu thường	5.665.530	5.665.530
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu quỹ	284.500	284.500
- Cổ phiếu thường	284.500	284.500
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.381.030	5.381.030
- Cổ phiếu thường	5.381.030	5.381.030
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000VND		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

c. Lợi nhuận chưa phân phối

	30/06/2013 VND	31/12/2012 VND
Lợi nhuận chưa phân phối năm trước chuyển sang	4.872.635.675	7.725.691.963
Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông Công ty mẹ	4.265.262.634	13.989.579.790
Phân phối lợi nhuận	3.766.721.001	16.842.636.078
- Thuế TNDN được miễn giảm bổ sung quỹ DT phát triển	-	831.223.267
- Trích quỹ đầu tư phát triển	-	8.437.919
- Trích quỹ dự phòng tài chính	-	640.055.406
- Trích quỹ dự trữ	-	677.203.588
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	2.737.059.573
- Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành	-	648.493.325
- Chia cổ tức	3.766.721.001	11.300.163.000
Lợi nhuận chưa phân phối	5.371.177.308	4.872.635.675

23. Doanh thu

	6 tháng đầu năm 2013 VND	6 tháng đầu năm 2012 VND
Tổng doanh thu	118.590.102.933	95.377.219.268
- Doanh thu bán sách và sản phẩm in	58.791.992.106	58.412.334.230
- Doanh thu thiết bị giáo dục	51.187.924.124	32.957.410.756
- Doanh thu hoạt động dạy học	8.447.396.705	3.790.284.922
- Doanh thu khác	162.789.998	217.189.360
Các khoản giảm trừ	1.130.522.001	281.831.526
- Hàng bán bị trả lại	1.130.522.001	281.831.526
Cộng	117.459.580.932	95.095.387.742

24. Giá vốn hàng bán

	6 tháng đầu năm 2013 VND	6 tháng đầu năm 2012 VND
Giá vốn sách và sản phẩm in	48.961.411.985	49.924.066.092
Giá vốn thiết bị giáo dục	37.788.403.815	22.284.799.514
Giá vốn hoạt động dạy học	4.424.564.981	2.408.510.152
Giá vốn khác	107.864.832	100.845.187
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(213.785.138)	(157.914.006)
Cộng	91.068.460.475	74.560.306.939

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

25. Doanh thu hoạt động tài chính

	6 tháng đầu năm 2013 VND	6 tháng đầu năm 2012 VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	844.892.808	412.072.266
Cổ tức, lợi nhuận nhận được chia	58.800.000	49.000.000
Chiết khấu thanh toán được hưởng	14.527.533	420.653.797
Cộng	918.220.341	881.726.063

26. Chi phí hoạt động tài chính

	năm 2013 VND	năm 2012 VND
Chi phí lãi vay	1.666.539.720	942.287.020
Lỗ chênh lệch tỷ giá	189.602	
Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	1.398.686.720	735.721.478
Cộng	3.065.416.042	1.678.008.498

27. Thu nhập khác

	6 tháng đầu năm 2013 VND	6 tháng đầu năm 2012 VND
Bán thanh lý tài sản cố định	1.054.545.454	16.918.182
Xử lý chênh lệch kiểm kê hàng tồn kho	48	38.859.621
Bán thanh lý vật tư, phế liệu	16.553.455	19.686.817
Thu nhập khác	34.794.191	37.410.249
Cộng	1.105.893.148	112.874.869

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

28. Chi phí khác

	6 tháng đầu năm 2013 VND	6 tháng đầu năm 2012 VND
Chi phí thanh lý, GTCL của TSCĐ thanh lý	434.671.845	2.348.721
Xuất vật tư, hàng kém chất lượng thanh lý	-	258.910.785
Xử lý chênh lệch hàng thiếu qua kiểm kê	-	7.034.054
Chi nộp phạt thuế	1.500.000	2.306.314
Chi phí khác	1.379.214	340.752
Cộng	437.551.059	270.940.626

29. Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp và lợi nhuận sau thuế trong kỳ

	6 tháng đầu năm 2013 VND	6 tháng đầu năm 2012 VND
Tổng Lợi nhuận kế toán trước thuế	5.220.850.176	4.055.477.085
- Hoạt động sản xuất kinh doanh được ưu đãi	1.926.564.256	1.013.808.048
- Hoạt động sản xuất cho ngành nghề xã hội hóa	4.160.192.273	2.809.130.548
- Hoạt động khác không được ưu đãi	(865.906.353)	232.538.489
Các khoản điều chỉnh để xác định LN chịu thuế TNDN	142.626.998	2.080.682
- Các khoản điều chỉnh tăng (Chi phí không hợp lệ)	378.686.820	51.080.682
+ Chi phí không hợp lệ	60.519.196	51.080.682
+ Lợi nhuận chưa thực hiện	318.167.624	-
- Các khoản điều chỉnh giảm (Cổ tức được chia)	236.059.822	49.000.000
+ Cổ tức, lợi nhuận được chia	58.800.000	49.000.000
+ Lợi nhuận đã thực hiện	177.259.822	-
Tổng thu nhập chịu thuế	5.363.477.174	4.057.557.767
- Hoạt động sản xuất kinh doanh được ưu đãi	2.127.991.254	1.060.882.416
- Hoạt động sản xuất cho ngành nghề xã hội hóa	4.012.877.998	2.809.130.548
- Hoạt động khác không được ưu đãi	(777.392.078)	187.544.803
Thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất áp dụng	878.960.728	704.294.583
+ Hoạt động sản xuất kinh doanh được ưu đãi	558.938.844	372.128.209
+ Hoạt động SX cho ngành nghề xã hội hóa	275.823.101	285.280.173
+ Hoạt động khác không được ưu đãi	44.198.783	46.886.201
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm	30.045.978	186.064.105
- Thuế thu nhập doanh nghiệp giảm tại Công ty mẹ	-	186.064.105
- Thuế thu nhập doanh nghiệp miễn giảm tại Công ty con	30.045.978	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	848.914.750	527.848.345
Chi phí thuế thu nhập DN hiện hành phát sinh năm nay	848.914.750	518.230.479
Điều chỉnh thuế TNDN hiện hành năm trước vào năm nay	-	9.617.866
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(35.226.951)	(106.907.606)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	4.407.162.377	3.634.536.346
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	141.899.743	(20.624.824)
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	4.265.262.634	3.655.161.170

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

30. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	6 tháng đầu năm 2013 VND	6 tháng đầu năm 2012 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	4.265.262.634	3.655.161.170
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán	-	-
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	4.265.262.634	3.655.161.170
	5.381.030	5.381.030
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	793	679

31. Công cụ tài chính

a. Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá hàng hóa), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về tỷ giá, lãi suất và giá.

Quản lý rủi ro về tỷ giá

Công ty ít phát sinh các giao dịch có gốc ngoại tệ. Giao dịch ngoại tệ chủ yếu tại Công ty là thanh toán nợ do nhập khẩu thiết bị. Ban Tổng Giám đốc đánh giá Công ty ít chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Để quản lý rủi ro về tỷ giá, Công ty duy trì các biện pháp như tối ưu hóa thời hạn thanh toán các khoản nợ, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ phù hợp, dự báo tỷ giá ngoại tệ trong tương lai.

Quản lý rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất của Công ty phát sinh chủ yếu từ các khoản vay đã ký kết. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Ban Tổng Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu chủ yếu từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc thay đổi giá của nguyên vật liệu đầu vào. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã áp dụng chính sách ký hợp đồng nguyên tắc với các nhà cung cấp truyền thống đồng thời đa dạng hóa các nguồn cung cấp của Công ty.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Quản lý rủi ro tín dụng

Khách hàng của Công ty phần lớn là doanh nghiệp trong nước hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, đặc biệt là các Công ty trong tập đoàn Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam và các trường học có nguồn kinh phí chủ yếu từ ngân sách Nhà nước. Do đó Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro tín dụng với khách hàng của Công ty ở mức thấp. Để quản lý rủi ro tín dụng, Công ty đã duy trì chính sách nhận tiền đặt cọc của khách hàng ngay sau khi ký hợp đồng hoặc yêu cầu khách hàng thanh toán trước khi nhận hàng.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó.

Tổng hợp các khoản nợ tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

<u>30/06/2013</u>	<u>Không quá 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng</u>
Các khoản vay và nợ	27.852.178.339	-	27.852.178.339
Phải trả người bán	11.615.911.351	-	11.615.911.351
Chi phí phải trả	1.412.382.515	-	1.412.382.515
Phải trả khác	456.659.684	-	456.659.684
Cộng	41.337.131.889	-	41.337.131.889
<u>31/12/2012</u>	<u>Không quá 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng</u>
Các khoản vay và nợ	16.084.300.000	-	16.084.300.000
Phải trả người bán	14.402.038.425	-	14.402.038.425
Chi phí phải trả	1.711.292.310	-	1.711.292.310
Phải trả khác	539.720.044	-	539.720.044
Cộng	32.737.350.779	-	32.737.350.779

Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty có rủi ro thanh khoản nhưng tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

<u>30/06/2013</u>	<u>Không quá 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng</u>
Tiền và khoản tương đương tiền	8.639.123.057	-	8.639.123.057
Phải thu khách hàng	23.024.018.821	-	23.024.018.821
Đầu tư tài chính	-	593.000.000	593.000.000
Phải thu khác	110.687.864	-	110.687.864
Tài sản tài chính khác	-	10.000.000	10.000.000
Cộng	31.773.829.742	603.000.000	32.376.829.742
<u>31/12/2012</u>	<u>Không quá 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng</u>
Tiền và khoản tương đương tiền	19.185.426.481	-	19.185.426.481
Phải thu khách hàng	42.115.911.051	-	42.115.911.051
Đầu tư tài chính	-	593.000.000	593.000.000
Phải thu khác	77.461.144	-	77.461.144
Tài sản tài chính khác	-	10.000.000	10.000.000
Cộng	61.378.798.676	603.000.000	61.981.798.676

32. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Ban Giám đốc đánh giá các môi trường kinh tế cụ thể theo khu vực địa lý không có sự khác biệt trong việc gánh chịu rủi ro và lợi ích kinh tế. Vì vậy Công ty hoạt động trong bộ phận địa lý chính là Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

DVT: VND

6 tháng đầu năm 2013	Hoạt động dạy học	Thiết bị giáo dục	In ấn, k.doanh sách và đ.vụ khác	Tổng
Doanh thu bán hàng và CC dịch vụ	8.447.396.705	51.187.924.124	58.954.782.104	118.590.102.933
Các khoản giảm trừ	-	1.025.496.314	105.025.687	1.130.522.001
Giá vốn hàng bán	4.424.564.981	37.788.403.815	48.855.491.679	91.068.460.475
Chi phí bán hàng	-	5.045.661.284	3.384.316.325	8.429.977.609
Chi phí quản lý doanh nghiệp	3.672.592.506	4.395.310.544	3.193.536.010	11.261.439.060
Chi phí lãi vay thuần	(12.044.816)	482.761.894	350.929.834	821.646.912
Lãi (lỗ) hoạt động tài chính khác	-	25.519.772	(1.351.068.561)	(1.325.548.789)
Thu nhập khác	6.216.204	525.429.771	574.247.173	1.105.893.148
Chi phí khác	-	205.877.281	231.673.778	437.551.059
Lãi (lỗ) trong kỳ *	368.500.238	2.795.362.535	2.056.987.403	5.220.850.176
Tài sản và Nợ phải trả tại 30/06/2013				
Phải thu của khách hàng	534.372.000	13.766.653.169	8.958.672.499	23.259.697.668
Hàng tồn kho				47.041.484.010
- Hàng tồn kho phân bổ	28.459.826	35.800.895.220	11.158.951.457	46.988.306.503
- Hàng tồn kho không phân bổ	-	-	-	53.177.507
Tài sản cố định hữu hình				29.611.462.055
- Tài sản cố định HH của bộ phận	862.123.293	21.827.951.723	1.242.002.918	23.932.077.934
+ Nguyên giá	1.067.149.999	27.108.800.436	5.740.281.712	33.916.232.147
+ Giá trị hao mòn lũy kế	(205.026.706)	(5.280.848.713)	(4.498.278.794)	(9.984.154.213)
- Tài sản cố định HH không phân bổ	-	-	-	5.679.384.121
+ Nguyên giá	-	-	-	9.398.061.990
+ Giá trị hao mòn lũy kế	-	-	-	(3.718.677.869)
Tài sản khác không phân bổ	-	-	-	40.890.109.388
Tổng Tài sản				140.802.753.121
Phải trả người bán	19.781.650	6.167.516.135	5.428.613.566	11.615.911.351
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	37.500.307.068
Tổng Nợ phải trả				49.116.218.419

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

DVT: VND

6 tháng đầu năm 2012	Hoạt động dạy học	Thiết bị giáo dục	In ấn, k.doanh sách và d.vụ khác	Tổng
Doanh thu bán hàng và CC dịch vụ	3.790.284.922	32.957.410.756	58.629.523.590	95.377.219.268
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	280.111.236	1.720.290	281.831.526
Giá vốn hàng bán	2.408.510.152	22.089.414.695	50.062.382.092	74.560.306.939
Chi phí bán hàng	-	3.285.944.263	2.502.568.364	5.788.512.627
Chi phí quản lý doanh nghiệp	1.920.524.698	4.547.101.589	3.269.116.612	9.736.742.899
Chi phí lãi vay thuần	22.254.229	213.503.247	294.457.278	530.214.754
Lãi (lỗ) hoạt động tài chính khác	-	(85.689.123)	(180.378.558)	(266.067.681)
Thu nhập khác	29.567.772	-	83.307.097	112.874.869
Chi phí khác	-	103.805.964	167.134.662	270.940.626
Lãi (lỗ) trong kỳ	(531.436.385)	2.351.840.639	2.235.072.831	4.055.477.085
Tài sản và Nợ phải trả tại 30/06/2012				
Phải thu của khách hàng				19.567.284.677
- Phải thu khách hàng phân bổ	123.577.646	11.207.925.407	7.632.992.710	18.964.495.763
- Phải thu khách hàng không phân bổ	-	-	-	602.788.914
Hàng tồn kho				52.671.809.193
- Hàng tồn kho phân bổ	-	37.438.507.098	15.086.263.568	52.524.770.666
- Hàng tồn kho không phân bổ	-	-	-	147.038.527
Tài sản cố định hữu hình				26.344.048.221
- Tài sản cố định HH của bộ phận	1.287.773.570	16.953.773.258	1.568.554.123	19.810.100.951
+ Nguyên giá	1.589.555.944	21.425.711.153	6.005.780.738	29.021.047.835
+ Giá trị hao mòn lũy kế	(301.782.374)	(4.471.937.895)	(4.437.226.615)	(9.210.946.884)
- Tài sản cố định HH không phân bổ	-	-	-	6.533.947.270
+ Nguyên giá	-	-	-	11.722.923.239
+ Giá trị hao mòn lũy kế	-	-	-	(5.188.975.969)
Tài sản khác không phân bổ				30.045.876.393
Tổng Tài sản				128.629.018.484
Phải trả người bán				13.054.508.163
- Phải trả cho người bán phân bổ	484.239.603	6.787.140.313	5.675.283.626	12.946.663.542
- Phải trả người bán không phân bổ	-	-	-	107.844.621
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	27.117.641.948
Tổng Nợ phải trả				40.172.150.111

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

33. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	6 tháng đầu năm 2013 VND	6 tháng đầu năm 2012 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	19.013.667.728	22.428.068.536
Chi phí nhân công	15.279.318.355	10.078.778.276
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.204.076.742	996.160.989
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.591.168.157	8.856.223.585
Chi phí khác bằng tiền	2.562.349.394	3.227.672.090
Cộng	47.650.580.376	45.586.903.476

34. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

a. Thông tin về các bên liên quan

Công ty liên quan	Mối quan hệ
Nhà xuất bản giáo dục tại TPHCM	Công ty đầu tư
Công ty CP Sách Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Chung nhà đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục Thành Phố HCM	Chung nhà đầu tư
Công ty CP Học Liệu	Chung nhà đầu tư
Công ty CP Thiết bị Giáo dục 2	Chung nhà đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	Chung nhà đầu tư

b. Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan gồm

Công ty liên quan	Nội dung nghiệp vụ	6 tháng đầu năm 2013 VND	6 tháng đầu năm 2012 VND
Bán hàng			
Nhà xuất bản giáo dục tại TPHCM	Sách giáo khoa	143.562.975	1.311.712.902
Công ty CP Sách Thiết bị GD Miền Nam	Thiết bị, băng đĩa, ấn phẩm	582.999.829	740.412.703
Công ty CP Sách GD Thành Phố HCM	Mua sách, thiết bị	17.014.180	501.062.881
Công ty CP Thiết bị Giáo dục 2	Mua sách, thiết bị	553.367.099	284.252.684
Công ty CP ĐT&PT GD Phương Nam	Mua sách, thiết bị, đĩa	165.055.422	1.426.144.256
Mua hàng			
Nhà xuất bản giáo dục tại TPHCM	Phí quản lý	12.619.500	3.250.000
Công ty CP Sách Thiết bị GD Miền Nam	Cung ứng sách giáo khoa, thiết bị	31.747.397.453	34.886.022.945
Công ty CP Sách GD Thành Phố HCM	Cung ứng sách tham khảo	380.419.451	450.153.789
Công ty CP Học Liệu	Cung ứng băng đĩa giáo dục	131.670.000	65.938.000
Công ty CP Thiết bị Giáo dục 2	Cung ứng thiết bị giáo dục	5.714.320	-
Công ty CP ĐT&PT GD Phương Nam	Cung ứng STK, văn hóa phẩm	16.289.423.820	16.186.123.939

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

c. Các khoản phải thu, phải trả với các bên liên quan như sau

Công ty liên quan	Nội dung nghiệp vụ	30/06/2013 VND	31/12/2012 VND
Phải thu			
Công ty CP Thiết bị Giáo dục 2	Phải thu khách hàng	248.613.653	266.339.089
Công ty CP Sách Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Phải thu khách hàng	-	793.961.640
Phải trả			
Nhà xuất bản Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	Phải trả người bán	10.260.000	112.000.000
Công ty Cổ phần Học Liệu	Phải trả người bán	85.214.329	123.014.329
Công ty CP ĐT và Phát triển GD Phương Nam	Phải trả người bán	1.328.916.054	647.462.306
Công ty CP Sách Giáo dục Thành phố HCM	Phải trả người bán	373.054.767	219.022.929

35. Các cam kết thuê hoạt động

Đến thời điểm 30/06/2013, Công ty có các cam kết thuê hoạt động như sau:

- ✓ Hợp đồng thuê đất số 132/HĐ-TLĐ/KD-01 ngày 20/03/2001 về việc thuê 2.575 m² đất ở KCN Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh với thời hạn thuê từ ngày 20/03/2001 đến 31/12/2047;
- ✓ Hợp đồng thuê đất số 9241/HĐTĐ-TNMT-ĐKKTĐ ngày 08/12/2005 với Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh về việc thuê 2.182,4 m² đất tại 104/5 Mai Thị Lựu, Phường Đa Kao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh; tiền thuê đất trả hàng năm;
- ✓ Hợp đồng thuê đất số 31/HĐTĐ/ST3 ngày 26/12/2006 về việc thuê 20.600 m² đất ở KCN Sóng Thần, Bình Dương với thời hạn thuê từ ngày 26/12/2006 đến 31/12/2055;
- ✓ Hợp đồng thuê đất số 5109/HĐ-TNMT-ĐKKTĐ ngày 26/06/2008 với Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh về việc thuê 1.649 m² đất tại 122 Phan Văn Trị, Phường 12, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh để xây dựng phân xưởng mộc – nay là Xí nghiệp đồ dùng dạy học và cửa hàng kinh doanh; tiền thuê đất trả hàng năm.
- ✓ Hợp đồng thuê đất số 6170/HĐ-TNMT-ĐKKTĐ ngày 21/08/2009 với Sở Địa chính Thành phố Hồ Chí Minh về việc thuê 2.875 m² đất tại 223 Nguyễn Tri Phương, Phường 9, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh để làm văn phòng, kho hàng và cửa hàng kinh doanh; thời gian thuê: 50 năm; tiền thuê đất trả hàng năm.
- ✓ Hợp đồng thuê đất số 8651/HĐ-TNMT-ĐKKTĐ ngày 27/11/2009 với Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố HCM về việc thuê 1.423 m² đất tại 780 Nguyễn Kiệm, Phường 4, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh để xây dựng phân xưởng cơ khí và sơn tĩnh điện (là Xí nghiệp thiết bị trường học, nay đã chuyển về Khu công nghiệp Sóng Thần, hiện tại diện tích đất này đang được sử dụng làm cửa hàng kinh doanh); tiền thuê đất trả hàng năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

36. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào khác xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong các Báo cáo tài chính hợp nhất.

37. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh của Bảng cân đối kế toán hợp nhất là số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012, số liệu so sánh của Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất là số liệu trên báo cáo tài chính của kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2012. Các báo cáo tài chính hợp nhất này đã được kiểm toán và soát xét bởi AAC.



Tổng Giám đốc

Trần Văn Sơn

TP Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 08 năm 2013

Kế toán trưởng

Trần Văn Hưng

Người lập


Huỳnh Thị Bích Hạnh

Trụ sở chính tại Đà Nẵng

Lô 75-80, Đường 30/4,
Tp. Đà Nẵng, Việt Nam
Tel: +(84-511) 3655 886
Fax: +(84-511) 3655 887
Email: aac@dng.vnn.vn
Website: <http://www.aac.com.vn>

Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh

Lầu 5, Tòa nhà Hoàng Đan
47-49 Hoàng Sa, Quận 1
Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Tel: +(84-8) 3910 2235
Fax: +(84-8) 3910 2349
Email: aac.hcm@aac.com.vn

Thành viên
 **PrimeGlobal**